

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HSST
Ngày: 26/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Lợi.

Bà Nguyễn Thị Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hương, Thẩm tra viên - Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2019/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2019; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Trịnh Anh T**, (Tên gọi khác: Không); Giới tính: nam; Sinh năm 1998, tại Ninh Bình; Nơi cư trú: thôn V, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trịnh Xuân T3 và bà Phạm Thị Mai L; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Tại bản án số 89/2017/HSST ngày 16/8/2017 TAND thành phố N xử phạt Trịnh Anh T 05 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Tiền sự: Chưa có;

Lịch sử bản thân:

- Ngày 05/6/2013, Công an phường N, thành phố N ra quyết định số 24 xử lý vi phạm hành chính phạt cảnh cáo Trịnh Anh T về hành vi “ Gây rối trật tự công cộng”.

- Ngày 16/8/2017, Công an thành phố N ra quyết định số 196 xử lý vi phạm hành chính phạt tiền Trịnh Anh T 1.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 21/11/2018 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Việt T1, (Vắng mặt).
2. Anh Nguyễn Xuân T2, (Vắng mặt).
3. Ông Trịnh Xuân T3, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 15/11/2018, T điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 35N1-3..7 đi từ thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sang khu vực bờ đê sông Đáy thuộc thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định mục đích mua ma túy về sử dụng. Khi đi đến nơi, T gặp một người đàn ông không quen biết T hỏi “*Có ma túy đá không bán cho 300.000 đồng*”, người đàn ông trả lời “*Có*”. T lấy 300.000 đồng trong túi quần đưa cho người đàn ông, người này cầm tiền và đưa lại cho T 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng túi nilon màu trắng kích thước (1x1,5)cm bên trong là chất tinh thể màu trắng. Mua được ma túy, T cầm ở tay trái rồi điều khiển xe mô tô đi về thành phố N để tìm nơi sử dụng. Khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, khi Trịnh Anh T đi đến khu vực đường P, phố 3, phường V, thành phố N thì bị Tổ công tác Công an phường V, thành phố N yêu cầu dừng xe để kiểm tra hành chính. T đã tự giác đưa từ tay trái gói ma túy vừa mua ra giao nộp cho Tổ công tác và khai nhận gói nhỏ ma túy đó là của T mua về để sử dụng. Tổ công tác đã niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật và đưa T cùng vật chứng về trụ sở Công an phường V, thành phố N lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Ngoài ra còn thu giữ của Trịnh Anh T 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 35 N1-3..7, 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, 01 điện thoại di động Sony Xperia Z1 màu trắng và số tiền 1.200.000 đồng.

Cân xác định khối lượng chất tinh thể màu trắng trong túi nilon thu giữ của Trịnh Anh T có khối lượng là 0,155 gam ký hiệu M gửi giám định xác định loại ma túy, khối lượng chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 02/KLGD-PC09-MT ngày 17/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,1559 gam là ma túy, loại Methamphetamin.

Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định

số 02/KLGD-PC09-MT ngày 17/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trịnh Anh T đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 22/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Trịnh Anh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt Trịnh Anh T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2018.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS); Tịch thu tiêu hủy 0,1070 gam Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong do cơ quan giám định hoàn trả lại và vỏ bao gói niêm phong ban đầu.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL: 26-27); Biên bản niêm phong vật chứng (BL: 25); Kết luận giám định số 02/KLGD-PC09-MT ngày 17/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình (BL: 33). Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hồi 22 giờ 45 phút ngày 15/11/2018, tại khu vực đường P Thái, phố 3, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Trịnh Anh T có hành vi cất giữ trái phép 0,1559gam là chất ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân bị phát hiện, bắt giữ. (Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II có STT 323; nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định danh mục chất ma túy).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về việc cất giữ chất ma túy; Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự đồng thời biết rất rõ tác hại của ma túy và việc mua bán, tàng trữ, sử dụng ma túy bị nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, hành vi cất giữ trái phép 0,1559 gam là chất ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng của bị cáo T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 01 tiền án về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” chưa được xóa án tích; do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi bị yêu cầu dừng xe để kiểm tra hành chính bị cáo đã tự giác đưa từ tay trái gói ma túy vừa mua ra giao nộp cho Tổ công tác và khai nhận gói nhỏ ma túy đó là của bị cáo mua về để sử dụng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo cai nghiện, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích vụ lợi vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen và số tiền 1.200.000 đồng là của T không liên quan đến việc phạm tội; 01 điện thoại di động Sony Xperia Z1 màu trắng và 01 mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 35N1-3..7 là của ông Trịnh Xuân T3 sinh năm 1965 trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là bố đẻ) của T. Ông T3 không biết việc T sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy và chiếc 01 điện thoại di động Sony Xperia Z1 T không sử dụng để trao đổi mua bán ma túy. Cơ quan điều tra đã trả số tài sản trên cho ông T3 là phù hợp.

- Đối với 0,1070 gam Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong do cơ quan giám định hoàn trả lại và vỏ bao gói niêm phong ban đầu được niêm

phong trong 01 phong bì là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[3] Các vấn đề khác:

- Về nguồn gốc gói Methamphetamine thu giữ của Trịnh Anh T, Tú khai mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực đê sông Đáy thuộc thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N không đủ căn cứ để xác minh làm rõ.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Anh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Xử phạt bị cáo Trịnh Anh T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/11/2018.

2. Xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 BLHS; Khoản 2 Điều 106 BLTTHS Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong theo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/01/2019 giữa Cơ quan CSĐT công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ khoản 2 các điều 135 và 136 BLTTHS. Điều 21; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Anh T phải chịu 200.000^d.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA. DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Trại tạm giam Ninh Bình;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Lưu (Hồ sơ, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

